

Bản án số: 42/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 03-5-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Phạm Văn Út

- Thư ký Phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia Phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lương Hoàng N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị P có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh N do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lương Hoàng N1, sinh ngày 18/4/2015. Đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh Nền mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N không lo làm ăn, thường

xuân cờ bạc, không chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 02 năm 2014 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh N.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Hoàng N1, sinh ngày 18/4/2015, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có

Anh Lương Hoàng N vắng mặt tại Pên tòa nhưng có lời trình bày tại Pên hòa giải ngày 10/4/2024 như sau:

Anh thống nhất với chị P về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận anh cũng có cờ bạc nhưng anh còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P thì anh đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 02/4/2024 cháu Lương Hoàng N1 trình bày: Hiện cháu đang sống chung với mẹ. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa Pên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại Pên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại Pên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh N cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị P và anh N được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Hoàng N1, sinh ngày 18/4/2015, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết

+ Về nợ chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2024 của chị Nguyễn Thị P đối với anh Lương Hoàng N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Lương Hoàng N có nơi cư trú tại xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia Pên tòa cho anh N đến để tham gia Pên tòa nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N và chị P là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị P và anh Lương Hoàng N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014 tại UBND xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ chị P và anh N đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, đồng thời chị P xác định không còn tình cảm với anh N. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh N là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị P và anh Lương Hoàng N có 01 con chung tên Lương Hoàng N1, sinh ngày 18/4/2015. Hiện tại cháu N1 đang sống với chị P, cháu N1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị P, đồng thời chị P cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh N cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu N1 không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu N1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Lương Hoàng N, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lương Hoàng N được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Hoàng N1, sinh ngày 18/4/2015, anh Lương Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Anh Lương Hoàng N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: chị P và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003160 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND Tân Phú Tây (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PÊN TÒA
(Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PÊN TÒA

Nguyễn Văn Vũ Phạm Văn Út

Nguyễn Thị Hồng Diễm